

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO PH
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DSST

Ngày 18/3/2022

(V/v Tranh chấp đòi nợ tiền mua bán
vật liệu xây dựng).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PH, TỈNH HOÀ BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và bà Nguyễn Thanh
Hường

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Duy- Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Cao Ph.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Ph, tỉnh
Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST –DS
ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp đòi nợ tiền mua bán vật liệu xây
dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST – DS, ngày 11
tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐ- HPT ngày 24
tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐ- HPT ngày 09
tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn Ph, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Khu 1, thị trấn Cao Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình; Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Khu 1, thị trấn Cao Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình; Vắng mặt
không có lý do.

Người làm chứng:

- Ông Trần Văn S, sinh năm 1961 (Trưởng khu 1)

Nơi cư trú: Khu 1, thị trấn Cao Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình; Có mặt.

- Ông Nguyễn Quốc L, sinh năm 1956 (Công an Viên khu 1)

Nơi cư trú: Khu 1, thị trấn Cao Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình; Có mặt.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn
anh Hoàng Văn Ph trình bày:

Anh Hoàng Văn Ph mở cửa hàng mua bán vật liệu xây dựng (Theo giấy
chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể tại Khu 1, thị trấn Cao Ph,

huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình). Thời gian từ ngày 24/7/2017 đến ngày 30/12/2017 anh Ph có bán sắt, xi măng, cát sỏi và gạch đỏ cho chị Nguyễn Thị Ng. Địa chỉ: Khu 1, thị trấn Cao Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình để chị Ng xây nhà. Khi mua bán không làm hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng, quá trình giao hàng có lần xuất, có lần không xuất hóa đơn, tất cả những lần lấy hàng anh Ph đều ghi vào sổ và chốt sổ với chị Ng, sau đó anh Ph và chị Ng chốt sổ và chuyển sang giấy chốt nhận nợ vào ngày 30/12/2017, trong giấy chốt nợ ghi chị Ng còn nợ anh Ph 53.760.000 đ (*Năm mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*), ngày 4/12/2018 tạm trả 10.000.000 đồng, còn nợ 43.760.000đ (*Bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*). Anh Ph đã nhiều lần nhắc nhở đòi chị Ng về số nợ trên, chị Ng cũng đã khất và hứa nhiều lần nhưng vẫn không trả nên ngày 15/4/2019 anh Ph có mời ông Trần Văn S- Trưởng khu 1 và ông Nguyễn Quốc L – Công an viên Khu 1, thị trấn Cao Ph đến để chứng kiến việc chị Ng khất nợ với anh Ph, mục đích mong muốn chị Ng sẽ giữ đúng lời hứa về thời gian xin khất để lo trả nợ. Khi khất nợ chị Ng có hứa với anh Ph là xin khất nợ 36 tháng anh Ph không đồng ý, chị Ng xin khất xuống 24 tháng anh Ph không đồng ý, chị Ng tiếp tục xin khất xuống 12 tháng nhưng anh Ph vẫn không đồng ý, nên chị Ng liền nói “Này thì không đồng ý này” và chị Ng sẵn bút đang cầm ở tay gạch luôn giấy nhận nợ. Lúc chị Ng gạch có sự chứng kiến của ông Nguyễn Quốc L – Công an viên khu 1 làm chứng. Do vậy anh Ph làm đơn đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Ng phải trả, số tiền 43.760.000đ (*bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*) và lãi suất 9%, thời điểm tính từ ngày 15 tháng 4 năm 2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bày: Chị và anh Ph là người cùng Khu 1, thị trấn Cao Ph với nhau. Chị thừa nhận có việc mua vật liệu xây dựng với anh Ph như anh Ph đã trình bày, khi mua chưa trả tiền ngay mà ký sổ nhận nợ sau đó chốt nợ. Tổng số tiền còn nợ lại là 53.760.000 đồng, nhưng chị Ng đã trả đủ anh Ph, không còn nợ, chính vì vậy chị Ng đã gạch vào giấy nhận nợ. Trong giấy nhận nợ có ghi còn nợ lại 43.760.000 đồng. Chị Ng đã trả cho anh Ph, ngày tháng năm nào chị không nhớ, không ai làm chứng chỉ biết là gạch giấy là đã trả hết nợ. Chữ viết hẹn trả nợ là 36 tháng, 24 và 12 là chữ viết của chị nhưng phần này chị cũng đã gạch 36 và 24, nên anh Ph làm đơn đề nghị chị trả số tiền còn lại 43.760.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật chị không đồng ý.

Người làm chứng ông Trần Văn S trình bày: Ông và chị Ng, anh Ph là người cùng khu, giữa ba người không có mâu thuẫn gì. Việc chị Ng còn nợ tiền anh Ph ông S có được biết, lý do khi chị Ng xây nhà có lấy vật liệu xây dựng của anh Ph và còn nợ lại, số tiền 43.760.000 đồng, anh Ph có đòi chị Ng nhiều lần nhưng chị Ng vẫn chưa trả. Vì vậy anh Ph có mời ông S đến nhà chị Ng để nhờ hòa giải, thuyết phục chị Ng trả nốt số tiền còn nợ. Thời gian không nhớ chính xác chỉ nhớ là khoảng tháng 4 năm 2019 anh Ph có mời ông S đến, khi đến ông S thấy chị Ng và anh Ph đang cãi nhau, ông S có nói mấy câu nhưng chị Ng đuổi ra khỏi nhà và nói “Việc của gia đình chị không mượn ông can thiệp vào” khi đến đã thấy ông L đang ở đó, ông L và anh Ph nói lý do cãi nhau là do chị Ng chưa trả hết tiền, khất nợ không được nên chị Ng đã tự ý gạch giấy nhận nợ gốc, ông S bảo anh Ph thế thì lập biên bản nhưng anh Ph bảo thôi.

Người làm chứng ông Nguyễn Quốc L trình bày: Giữa ông, chị Ng và anh Ph không có mâu thuẫn gì. Ông L được biết là anh Ph có bán vật liệu xây dựng cho chị Ng và chị Ng còn nợ tiền, tổng số tiền tính đến ngày anh Ph mời ông L đến chứng kiến, hòa giải là 43.760.000 đồng. Khoảng 5 giờ chiều ngày không nhớ chỉ nhớ vào khoảng tháng 4 năm 2019, anh Ph mời ông L đến chứng kiến việc chị Ng khát nợ anh Ph, hòa giải để chị Ng nhanh chóng trả nợ cho anh Ph. Anh Ph đưa giấy nhận nợ mà chị Ng đã ký ra, chị Ng có khát nhiều lần lý do nói là do cam rưng, cam chết nên kinh tế gặp nhiều khó khăn, lúc đầu chị khát 36 tháng, anh Ph không nghe, chị Ng khát xuống 24 tháng rồi đến 12 tháng nhưng anh Ph vẫn không đồng ý nên chị Ng liền nói “Này thì không đồng ý này” và chị Ng cầm bút gạch luôn giấy nhận nợ, sau đó hai bên xảy ra xô xát cãi nhau, lúc này có ông Trần Văn S- Trưởng khu đến giải hòa nhưng không được, thấy vậy ông L nói “thế này thì không thỏa thuận được rồi” sau đó ông L cùng ông S và anh Ph ra về.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị Ng phải trả cho anh Hoàng Văn Ph số tiền 43.760.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng và án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Hoàng Văn Ph khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Ng phải trả nợ số tiền từ hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng là tranh chấp hợp đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị Ng cư trú tại: Khu 1, thị trấn Cao Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Ph.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Văn Ph buộc bị đơn phải trả số tiền: 43.760.000 đồng và lãi suất 9% từ ngày 15/4/2019 Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận có xác lập giao dịch mua bán vật liệu xây dựng với nhau, mục đích để chị Ng xây nhà, có lần ghi hóa đơn có lần không nhưng vẫn ghi vào sổ, quá trình mua bán đã lâu và đã chốt sổ ghi ra giấy nhận nợ nên anh Ph không lưu giữ sổ ghi chép giao hàng nữa. Ngày 30/12/2017 anh Ph, chị Ng đã chốt nợ với nhau.

Tổng số tiền chị Nga còn nợ lại anh Ph là 53.760.000 đồng, ngày 4/12/2018 chị Ng tạm trả 10.000.000 đồng, còn nợ lại 43.760.000đ (*bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*). Trong giấy chốt nợ còn thể hiện thời gian xin khất nợ 36 tháng 24, 12 và gạch chéo toàn bộ giấy chốt nợ. Quá trình lấy lời khai chị Nguyễn Thị Ng cũng thừa nhận số tiền còn nợ, thời gian xin khất nợ như trong giấy chốt nợ nhưng chị Nguyễn Thị Ng đã trả đủ cho anh Ph nên mới có việc gạch chéo toàn bộ giấy nhận nợ với anh Ph. Tuy nhiên trong giấy chốt nợ vẫn thể hiện số tiền còn nợ 43.760.000 đồng, chị Ng trình bày đã trả đủ nhưng không có chứng cứ để chứng minh cho việc đã trả đủ số tiền này cho anh Ph, ngoài ra người làm chứng là ông Nguyễn Quốc L khai anh Ph có mời ông đến nhà chị Ng để chứng kiến việc chị Ng khất nợ với Ph, chị Ng xin khất từ 36 tháng rồi đến 24 tiếp đến 12 tháng nhưng anh Ph vẫn không đồng ý nên chị Ng gạch chéo vào giấy chốt nợ. Trên giấy chốt nợ thể hiện rõ thời hạn xin khất nợ của chị Ng lúc đầu là 36 tháng đến 24 tháng và 12 tháng đây là chữ do chính chị Ng viết chị Ng cũng đã thừa nhận đó là chữ viết của mình. Như vậy có đủ cơ sở chứng minh chị Ng chưa trả số tiền còn lại 43.760.000 đồng cho anh Ph. Từ những nhận định trên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Nguyễn Thị Ng trả cho anh Ph số tiền 43.760.000 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi suất 9%/năm tính từ ngày 15/4/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm của nguyên đơn. Nhận thấy: Xuất phát từ việc mua bán vật liệu xây dựng, hai bên đã chốt nợ với nhau, tổng số tiền còn nợ là: 43.760.000 đồng. Căn cứ Điều 357, Điều 440 Bộ luật dân sự quy định trách nhiệm do chậm nghĩa vụ trả tiền, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất do các bên không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Như vậy nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 9%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi từ ngày 15/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/3/2022 là: 35 tháng, 03 ngày. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

$43.760.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 35 \text{ tháng} = 11.487.000 \text{ đồng};$

$43.760.000 \text{ đồng} \times 0,025\%/\text{ngày} \times 03 \text{ ngày} = 32.800 \text{ đồng};$

Tổng số tiền lãi là: $11.487.000 \text{ đồng} + 32.800 \text{ đồng} = 11.519.800 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền: gốc 43.760.000 đồng + lãi 11.519.800 đồng = 55.279.800 đồng (*Năm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm đồng*).

Như vậy buộc chị Nguyễn thị Ng phải trả cho ông Hoàng Văn Ph, số tiền: 55.279.800 đồng (*Năm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm đồng*).

[3] . Về án phí: Do yêu cầu của anh Hoàng Văn Ph được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại cho Nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 357, 430, 433, 440 và 468 Bộ luật dân sự.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn Ph.

3. Buộc chị Nguyễn Thị Ng phải trả cho anh Hoàng Văn Ph, tổng số tiền 55.279.800 đồng (*Năm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm đồng*). (trong đó: gốc 43.760.000 đồng, lãi 11.519.800 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm thi hành số tiền trên thì hành tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu 2.764.000đ (*Hai triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Hoàng Văn Ph, số tiền 1.094.000đ (*Một triệu không chẵn chín mươi tư nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số: 0001622 ngày 04/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hiền

